UBND TỈNH NINH BÌNH
SỞ TƯ PHÁP
Số: 1249/QĐ-STP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ninh Bình, ngày 12 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai NSNN Quý III năm 2021

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/TT-BTC ngày 28/09/2018 sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ vào tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách nhà nước quý III năm 2021.

Xét đề nghị của Chánh văn phòng Sở

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai, đánh giá số liệu tình hình thực hiện dự toán ngân sách đến quý III năm 2021 của Sở Tư Pháp (theo biểu số 03 đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng, Trưởng các phòng nghiệp vụ và công chức, viên chức, hợp đồng lao động khối Sở Tư Pháp có trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:
- Sở Tài Chính tỉnh
- Như điều 3
- Lưu VT

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

SỞ TƯ PHÁP

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
BÙI LAM SƠN

Biểu số 03

Đơn vị: Sở Tư Pháp Ninh Bình
Chương: 414

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN
DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH QUÝ III - NĂM 2021

(Kèm theo QĐ số 124/QĐ-STP ngày 12 tháng 10 năm 2021)

ĐVT: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2021	Ước thực hiện đến hết Quý III năm 2021	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý III-2020	Ước thực hiện quý III-2021 nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	**Nguồn thu phí, lệ phí**					
I	**Phí, lệ phí lý lịch tư pháp**					
1	**Số thu năm trước chuyển sang 2021**	-	**99.867.000**			
2	**Số thu phí, lệ phí Quý II-2021**	**800.000.000**	**586.580.000**	**73%**	**765.500.000**	**77%**
a	**Thu phí LLTP**	**800.000.000**	**586.580.000**	**73%**	**765.500.000**	**77%**
	Nộp vào NSNN15%	120.000.000	88.113.000	73%	114.825.000	77%
	Nộp cho TTLLTP QG 4% (sau khi trừ nộp vào NSNN)	27.200.000	23.456.400	86%	30.620.000	77%
b	**Số phí LLTP còn lại sau khi nộp NS và nộp cho TTLLTP**	**680.000.000**	**475.010.600**	**70%**	**620.055.000**	**77%**
	Nộp cho CA 60% (sau khi trừ nộp vào NSNN)	408.000.000	270.459.000	66%	345.303.000	78%
c	**Để lại đơn vị**	**244.800.000**	**204.551.600**	**84%**	**274.752.000**	**74%**
	40% để làm lương	**97.920.000**	**81.826.600**	**84%**	**109.902.000**	**74%**
	60% để lại chi dùng	**146.880.000**	**122.725.000**	**84%**	**164.850.000**	**74%**
d	**Số phí, lệ phí đã chi**	**146.880.000**	**122.725.000**	**84%**	**164.850.000**	**74%**

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2021	Ước thực hiện đến hết Quý III năm 2021	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý III-2020	Ước thực hiện quý III-2021 nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	Hỗ trợ cán bộ tham gia giải quyết công việc	114.080.000	108.272.000	95%	151.500.000	71%
	Văn phòng phẩm (đổ mực)	12.000.000	14.453.000	120%	11.178.000	129%
	Mua dụng cụ hành chính phục vụ cấp phiếu LLTP (Biên lai)	6.000.000		0%	2.172.000	0%
	Mua phôi LLTP	12.000.000		0%	-	
	Chi khác	2.800.000		0%		
	Số phí, lệ phí còn lại	**97.920.000**	**181.693.600**	**186%**	**109.902.000**	165%
B	**Nguồn NSNN**	**9.469.000.000**	**5.638.949.583**	60%	**5.165.206.604**	109%
I	**Kinh phí tự chủ**	**4.291.000.000**	**2.884.004.583**	67%	**2.866.409.604**	101%
1	**Tiền lương**	**2.218.000.000**	**1.595.631.307**	72%	**1.558.775.311**	102%
	Chi tiền lương ngạch bậc	2.218.000.000	1.595.631.307	72%	1.558.775.311	102%
2	**Phụ cấp**	**836.000.000**	**584.382.463**	70%	**597.627.969**	98%
	Phụ cấp chức vụ	141.000.000	95.287.055	68%	100.575.090	95%
	Phụ cấp trách nhiệm nghề	25.000.000	48.287.000	193%	49.284.000	98%
	Phụ cấp thâm niên vượt khung	27.000.000	35.958.408	133%	33.941.879	106%
	Phụ cấp công vụ	563.000.000	397.362.000	71%	406.339.000	98%
	Phụ cấp kiêm nhiệm, khác	80.000.000	7.488.000	9%	7.488.000	100%
3	**Các khoản đóng góp**	**531.000.000**	**366.579.110**	69%	**374.283.124**	98%
	BHXH 18%	417.100.000	290.305.694	70%	297.167.250	98%
	BHYT 3%	66.540.000	49.766.691	75%	50.942.959	98%

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2021	Ước thực hiện đến hết Quý III năm 2021	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý III-2020	Ước thực hiện quý III-2021 nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	KPCĐ 2%	44.360.000	25.777.117	58%	25.011.000	103%
	BHTN 2%	3.000.000	729.608	24%	1.161.915	63%
4	**Các khoản chi khác**	**57.000.000**	**45.255.000**	79%	**48.250.000**	94%
	Khen thưởng	46.000.000	45.255.000	98%	46.000.000	98%
	Phụ cấp 1 cửa	11.000.000	-	0%	2.250.000	0%
5	**Chi các hoạt động thường xuyên**	**617.000.000**	**292.156.703**	47%	**287.473.200**	102%
	Phúc lợi tập thể	**66.700.000**	**40.305.000**	60%	**43.750.000**	92%
	Các khoản chi khác	66.700.000	40.305.000	60%	43.750.000	92%
	Thanh toán dịch vụ công cộng	**194.100.000**	**108.483.803**	56%	**80.999.500**	134%
	Thanh toán tiền điện	96.000.000	75.541.383	79%	63.420.000	119%
	Thanh toán tiền nước	24.000.000	6.572.720	27%	3.965.000	166%
	Thanh toán tiền nhiên liệu	74.100.000	26.369.700	36%	13.614.500	194%
	Vật tư văn phòng	**76.000.000**	**23.581.000**	31%	**35.705.000**	66%
	Văn phòng phẩm	20.000.000		0%	5.896.000	0%
	Mua sắm công cụ dụng cụ văn phòng	20.000.000	385.000	2%	5.671.000	7%
	Vật tư văn phòng khác	36.000.000	23.196.000	64%	24.138.000	96%
	Thông tin tuyên truyền	**69.800.000**	**31.378.000**	45%	**39.347.000**	80%
	Cước phí điện thoại trong nước	24.000.000	4.926.000	21%	5.661.000	87%
	Cước phí bưu chính	24.000.000	1.196.000	5%	3.988.000	30%
	Tuyên truyền quảng cáo	2.000.000		0%	3.490.000	0%
	Sách, báo, tạp chí thư viện	-				

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2021	Ước thực hiện đến hết Quý III năm 2021	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý III-2020	Ước thực hiện quý III-2021 nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	Cước internet	7.800.000	21.106.000	271%	20.358.000	104%
	Khoán điện thoại cho 3 lãnh đạo	12.000.000	4.150.000	35%	5.850.000	71%
	Khác					
	Hội nghị	**14.800.000**	-	0%	-	
	In, mua tài liệu	5.600.000		0%		
	Chi phí khác	9.200.000		0%		
	Công tác phí	**43.600.000**	**18.900.000**	43%	**14.700.000**	129%
	Tiền vé máy bay,tàu xe	5.000.000		0%		
	Phụ cấp công tác phí	9.600.000	6.150.000	64%	1.200.000	513%
	Thuê phòng ngủ	11.000.000		0%		
	Khoán công tác phí	18.000.000	12.750.000	71%	13.500.000	94%
	Chi phí thuê mướn	-	**19.500.000**		**25.100.000**	78%
	Các khoản thuê mướn khác		19.500.000		25.100.000	78%
	Sửa chữa thường xuyên TSCĐ	**20.000.000**	**9.500.000**	48%		
	Sửa chữa máy vi tính, máy phôtôcopy	10.000.000	7.500.000	75%	9.930.000	76%
	Sửa chữa khác (bàn ghế, điều hoà…)	10.000.000	2.000.000	20%	1.450.000	138%
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của ngà	**20.000.000**	-	0%		
	Chi mua, in ấn photo tài liệu dùng cho ch	5.000.000		0%		
	Sách, tài liệu dùng cho chuyên môn ngành	5.000.000		0%		
	Chi phí khác	10.000.000		0%		
	Chi khác	**112.000.000**	**40.508.900**	36%	**47.871.700**	85%

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2021	Ước thực hiện đến hết Quý III năm 2021	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý III-2020	Ước thực hiện quý III-2021 nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	Chi kỷ niệm các ngày lễ lớn (7903)	10.000.000		0%		
	Chi các khoản phí và lệ phí của đơn vị	10.000.000	12.220.900	122%	4.016.000	304%
	Chi tiếp khách	10.000.000		0%	5.250.000	0%
	Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện		-		530.700	0%
	Chi hỗ trợ khác	24.000.000		0%		
	Chi các khoản khác	58.000.000	28.288.000	49%	38.075.000	74%
II	**Chi công tác Đảng**	**32.000.000**	-	0%	-	
	Phụ cấp cấp ủy	32.000.000		0%		
III	**Kinh phí không tự chủ**	**5.178.000.000**	**2.754.945.000**	53%	**2.298.797.000**	120%
1	**Mua sắm**	**93.000.000**	-	0%		
2	**Sửa chữa**	**909.000.000**	-	0%		
3	**Chi đặc thù**	**4.176.000.000**	**2.754.945.000**	66%	**2.298.797.000**	120%
	Tổng cộng	**9.469.000.000**	**5.638.949.583**		**5.165.206.604**	